

## Xã hội văn hóa Việt Nam trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

Nguyễn Thanh Liêm

Một nhà văn Pháp đã đặc biệt nhận định rằng: “Tiểu thuyết gia là sử gia của thời hiện tại” (*Le romancier est un historien du present*). Đây là một nhận định trái thường vì ai cũng biết là người viết sử và người viết tiểu thuyết là hai người làm hai công việc thuộc hai lãnh vực khác nhau: một đằng là khoa học còn một đằng là nghệ thuật. Họ phải vận dụng những chức năng tâm lý khác nhau để thực hiện những mục tiêu khác nhau của họ. Tiểu thuyết gia dùng tưởng tượng của mình sáng tạo một câu chuyện không có thật ( hư cấu), trong khi sử gia phải tận dụng khả năng suy luận, phân tích, tổng hợp của mình để làm sống lại những sự thật đã thuộc về quá khứ. Tuy nhiên ở một khía cạnh nào đó sử gia và tiểu thuyết gia vẫn có chỗ gặp gỡ nhau. Mẫu số chung của họ là con người và văn hóa xã hội. Tiểu thuyết gia dù có dùng tưởng tượng để sáng tạo câu chuyện của mình cũng không thể hoàn toàn xa lìa thực tế xã hội văn hóa mà mình đã được sinh sống trong đó. Với con người không thể có sự kiện “*créer ex nihilo*”<sup>1</sup>. Tưởng tượng của con người luôn bắt nguồn từ những hình ảnh có trong thực tại rồi từ đó biến đổi pha trộn làm thành cái gì mới mẻ hơn cái thật có. Thí dụ ta tưởng tượng ra con ngựa bay chẳng hạn. Hình ảnh tưởng tượng này chỉ có được khi ta tựa trên hai chất liệu có trong thực tế là thân con ngựa và cánh chim. Ta nối ráp hai chất liệu đó để tạo nên hình ảnh mới mẻ không có trong thực tế là con ngựa bay. Tiểu thuyết gia cũng vậy. Tuy câu chuyện của họ là câu chuyện tưởng tượng nhưng chất liệu làm nên câu chuyện vẫn là những điều mắt thấy tai nghe trong xã hội/văn hóa mà họ đang sống. Tùy theo loại tiểu thuyết mà chất liệu thực tế đó có mặt nhiều hay ít trong tác phẩm. Tiểu thuyết tả chân xã hội chứa đựng nhiều sự thực của xã hội đương thời hơn tiểu thuyết hoang đường về thời xa xưa. Đối với Hồ Biểu Chánh mà một số nhà văn học sử cho là nhà viết tiểu thuyết phong tục thì chất liệu thực tế đã chiếm địa vị hết sức quan trọng trong tác phẩm của ông. Người ta có thể xem ông như là nhà viết sử về xã hội văn hóa miền Nam Việt Nam thời tiền bán thế kỷ XX vậy.

Từ năm 1922 là năm quyển tiểu thuyết đầu tiên “Ai Làm Được” được xuất bản cho đến năm 1958 là năm tác phẩm cuối cùng “Hy Sinh” của ông đang được viết nửa chừng và bỏ dở vì cái chết của ông, Hồ Biểu Chánh đã cung ứng cho độc giả tất cả 64 quyển tiểu thuyết. Tuy tính trung bình mỗi năm

---

<sup>1</sup> sáng tạo hoàn toàn từ hư không

ông cho ra đời không đầy hai quyển tiểu thuyết nhưng thật sự có những năm ông không cho ấn hành quyển nào cả và ngược lại có những năm ông đã sản xuất hơn năm tác phẩm. Năm 1935 chẳng hạn có đến 6 quyển tiểu thuyết ra mắt độc giả (*Ở Theo Thời, Ông Cử, Một Đời Tài Sắc, Cười Gượng, Giây Oan, Thiệt Giả Giả Thiệt*), và đặc biệt riêng trong năm 1957 ông có con số kỷ lục là 9 quyển ra đời (*Trong Đám Cỏ Hoang, Vợ Già Chồng Trẻ, Hạnh Phúc Lối Nào, Sống Thác Với Tình, Nợ Tình, Đón Gió Mát, Nhắc Chuyện Xưa, Chị Đào Chị Lý, Nợ Trái Oan, Tắt Lửa Lòng*). Sản xuất nhiều như vậy mà vẫn không đủ cho độc giả. Thành ra nếu ta dùng cây thước đo sự thành công của một tác giả bằng sự yêu chuộng mê say của độc giả thì phải nói Hồ Biểu Chánh là một tiểu thuyết gia thành công lớn lao ở thời đại của ông.

Người ta rất thích đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Không những độc giả cùng thời với ông mà những độc giả thời sau này vẫn thích. Ngay cả hiện giờ ở hải ngoại tiểu thuyết của ông vẫn có chỗ đứng trong lòng nhiều độc giả. Nhưng độc giả của ông là ai? Độc giả của ông phần đông là những người từ giới trung lưu đến hạng bình dân nhất là phụ nữ. Đây là những người có chút học vấn (để đọc chữ quốc ngữ), có chút thì giờ rảnh rỗi bên cạnh công việc bận rộn hằng ngày, có chút tiền đủ để sống cuộc đời tương đối không quá thiếu thốn, khổ sở, không phải quá bận tâm về vật chất. Đối với họ, tiểu thuyết là cửa sổ để cho họ tạm thời thoát ra khỏi cuộc đời thực tế nặng nhọc và nhiều khổ đau của con người. Điểm đặc biệt hơn nữa là những người thích đọc tiểu thuyết của ông hầu hết là người miền Nam (vì độc giả miền Bắc và miền Trung có thể không quen với lời văn và do đó không thấy thích thú nhiều với giọng điệu tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh). Thành ra ta phải nói thêm là Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết gia rất thành công đối với độc giả miền Nam.

Sở dĩ ông thành công lớn lao trong sự nghiệp tiểu thuyết đối với độc giả ở đây vì giọng điệu tiểu thuyết của ông hoàn toàn thích hợp với tâm hồn người dân miền Nam. Đọc tiểu thuyết của ông người ta thấy cả con người và xã hội (tức là cả nền văn hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long) vào các thập niên 1920 - 1940 trong đó. Từ cách dàn dựng câu chuyện, đến sự trình bày diễn tiến của câu chuyện, đến tâm lý các nhân vật, các hạng người và đặc tính của họ, ý nghĩ và lời nói của họ, đến khung cảnh, môi trường vật lý mà con người phải sinh hoạt trong đó, tất cả được tạo ra nhằm đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc ở đây. Tất cả đều rất gần gũi quen thuộc với người dân ở vùng này. Có thể nói là ông có lối viết tiểu thuyết với giọng điệu tiểu thuyết rất đặc biệt của ông mà tôi gọi là "*nghệ thuật tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*." Muốn thấu rõ nghệ thuật này trước hết ta cần nhìn lại xã hội và văn hóa miền Lục tỉnh vào thời đại này.

Miền Nam được thành hình rất muộn trong lịch sử dân Việt (mới có từ thế kỷ XVII), do phân đông đến từ miền Trung. Vừa thành hình không lâu đã thuộc về người Pháp từ hạ bán thế kỷ XIX. Buổi đầu Pháp chia sáu tỉnh cũ ra làm 12 hạt mới, đặt quan Tham Biện (tức Chánh Chủ Tỉnh sau này) ở mỗi hạt, xây dựng nền văn hóa mới để thu phục nhân tâm. Một ít người được đưa sang Pháp học như các ông Diệp Văn Cương, Trương Minh Ký, Bùi Quang Nhơn, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Trọng Quán... Gia Định Báo và nhiều sách chữ Quốc Ngữ do các ông Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của trông nom đã được xuất bản. Pháp cho mở trường Thông Ngôn (*Collège des Interprètes*) dạy các quan Tham Biện, các nhân viên hành chính và quân sự. Một trường Sư Phạm trung đẳng cũng được mở ra tại Sài Gòn để đào tạo giáo viên dạy các trường sơ đẳng ở các hạt. Một trường trung học phổ thông, phân làm hai chặng, học ở Mỹ Tho hai năm (sau này trở thành Collège Le Myre de Vilers) rồi lên Sài Gòn học tiếp hai năm nữa để được bổ dụng làm thông ngôn hay ký lục. Văn hóa Việt, va chạm với văn hóa Âu Tây, bắt đầu chuyển mình thay đổi nhanh chóng. Chữ Quốc Ngữ được phổ biến mạnh mẽ và rộng rãi, báo chí theo lối Tây phương bắt đầu thành hình. Petrus Ký và Huỳnh Tịnh Của đã mở đầu cho nền văn chương chữ Quốc Ngữ ở Nam Kỳ. Câu văn xuôi viết bằng chữ Quốc Ngữ đã mạnh dạn xuất hiện và trở thành quen thuộc nhanh chóng đối với dân Nam Kỳ do công lớn của Petrus Ký. Sang đầu thế kỷ XX miền Nam được chia thành 20 tỉnh. Trường học mọc lên ở nhiều nơi dạy chữ Quốc Ngữ và văn chương học thuật Tây phương, có cấp học bổng cho học sinh, trong khi chữ Nho cũng còn được các ông thầy đồ dạy riêng tại tư gia hay nơi đình miếu cho một số người. Nam nữ đều được đi học thành ra số phụ nữ có học vấn trong lớp trung lưu cũng bắt đầu có khá đông. Lớp trí thức, "kẻ sĩ", mới thành hình này được trang bị với vốn kiến thức vừa Đông vừa Tây, vừa khoa học vừa đạo đức. Họ là những công chức, những nhà văn nhà báo, luật sư, bác sĩ, những giáo chức, những y tá... Trong xã hội đã thành hình các lớp người với những danh tước mới như các chức Tham Biện rồi Chánh Chủ Tỉnh, Phó Chủ Tỉnh, Đốc Phủ Sự, ông Chủ Quận, thầy Thông, thầy Ký, ông Hội Đồng, thầy Cai Tổng, Hương Cả, Hương Chủ, Hương Thân, Hương Quán, Chánh Lục Bộ, vv... Có những ông đại điền chủ với đất đai "cò bay thẳng cánh", với hàng lô tá điền dưới tay, có những ông công tử Bạc Liêu xài tiền như nước, có những người đi Tây học rồi trở về nước với những bằng cấp bác vật, kỹ sư, bác sĩ, cử nhân. Di chuyển thì có xe hơi, xe kéo, xe thổ mộ, tàu, ghe, đò... Ăn chơi thì có hút thuốc phiện, cò bạc, rượu chè, đĩ điếm. Nghệ thuật sân khấu thì ngoài hát bội còn có cải lương. Và đặc biệt phong trào đờn ca tài tử rất được nhiều người hâm mộ ở thôn quê cũng như ở thành thị. Cảnh cường hào ác bá, cảnh ức hiếp tá điền, cảnh cho vay cắt cổ, cảnh đảo lộn luân

thường, những mưu mô thâm độc để hại người, ... lẽ dĩ nhiên là lúc nào cũng có, nhưng nó không quá tệ hại như đã xảy ra ở những xã hội khác. Ngoài ra những tấm lòng vàng, những kẻ hay làm phước, hay giúp đỡ kẻ khác bằng tất cả tâm hồn vị tha hình như lúc nào cũng có ở nhiều nơi từ thành thị đến thôn quê. Cảnh xung đột cũ mới trong vấn đề hôn nhân, gia đình, những quan niệm khác biệt về tình yêu, về đời sống đều có xảy ra. Tuy nhiên dù tốt dù xấu, dù ác dù thiện, tất cả đều mang những đặc tính rất miền Nam là rộng rãi, dễ tha thứ, dễ bỏ qua, lúc nào cũng muốn xí xóa hịa hốn ở phút sau cùng, và nói chung trong xã hội nếu có những khác biệt, những xung đột thì những khác biệt và xung đột đó không hết sức gay go, không đưa người vào chân tường để đến nỗi phải có những phản ứng đả phá, đập đổ, cách mạng dữ dội mà ngược lại phần lớn là đi đến thông cảm, hòa giải, hòa hợp ở phân kết thúc. Người Nam vẫn có những tín ngưỡng gắn với mê tín, tin ở những việc có tính cách huyền bí siêu linh, như những phép lạ xảy ra vào phút chót, và luôn ước mong những kết thúc có hậu trong những biến cố diễn ra trong đời người. Truyện Tàu và nghệ thuật sân khấu (hát bộ và cải lương) rất được mọi người bình dân miền Nam ưa chuộng. Nói chung văn hóa xã hội miền Nam có những cái na ná như văn hóa xã hội Hoa Kỳ. Đây là vùng đất mới, có nhiều sắc dân định cư ở đây, đất rộng mênh mông, sông dài chằng chịt, rất dễ sinh sống, có cơ hội và điều kiện để khai khẩn và làm giàu, xa cách hẳn cái nôi văn hóa gốc (Thăng Long) lại va chạm với nhiều văn hóa khác (Chàm, Miên, Triều Châu/Trung Hoa), và không bị chặt chẽ kiểm soát bởi chính quyền trung ương (triều đình Huế). Hoàn cảnh đó là điều kiện đưa tới sự thành hình của một tâm hồn cùng với nền văn hóa "Nam Kỳ" mà xưa nay người ta thường gọi. Tự do, phóng khoáng, rộng rãi, chất phác, quê mùa, thẳng ruột ngựa, nghĩ sao nói vậy, giản dị, không bóng bẩy, không cầu kỳ kiêu cách, không che đậy dấu diếm, không quan liêu bảo thủ, có tinh thần dung hòa, tổng hợp, dễ chấp nhận những cái mới lạ,...đó là một số những đặc tính của con người và nền văn hóa Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết được hình thành và phát triển trong điều kiện con người và môi trường văn hóa xã hội đó. Từ câu chuyện, cách thuật chuyện, cảnh vật làm nền, đến các nhân vật, chân dung, tính tình, tư tưởng, tín ngưỡng, cách xử sự trong nghịch cảnh, lời nói, hành động, của họ...tất cả đều biểu lộ tính cách miền Nam đã nói ở trên.

Trước hết là câu chuyện. Tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết viết cho nhiều người bình thường đọc (không phải tiểu thuyết triết lý, luận đề dành riêng cho hạng thật là trí thức), bao giờ cũng cần có câu chuyện ít nhiều khúc mắc gay cấn ly kỳ, với những trớ trêu, những éo le, hay những gian truân, khốn khổ,

những biến cố lạ thường, đủ để lôi cuốn, hấp dẫn người đọc khiến người đọc phải bị kích thích và hồi hộp theo dõi luôn. Câu chuyện của HBC có đủ các yếu tố hấp dẫn đó mà lại là câu chuyện ở xã hội miền Nam. {Ông có mượn câu chuyện của Pháp như trong *Ai Lâm Được* (André Cornelis của Paul Bourget), *Chúa Tàu Kim Qui* (Le Comte de Monte-Cristo của Alexandre Dumas), *Cay Đắng Mùi Đồi* (Sans Famille của Hector Malot), *Chút Phận Linh Đình* (En Famille của Hector Malot), *Thầy Thông Ngôn* (Les Amours d'Estève của A. Theuriet), *Ngọn Cỏ Gió Đùa* (Les Misérables của Victor Hugo), *Ở Theo Thời* (Topaze của Marcel Pagnol), ...nhưng câu chuyện được đặt vào xã hội miền Nam với ít nhiều thay đổi cho thích nghi với hoàn cảnh}. Những câu chuyện hoàn toàn do ông sáng tác đều hấp dẫn không thua gì tiểu thuyết Pháp hay truyện Tàu, mà lại mang đầy tính chất Việt Nam khiến cho độc giả càng thêm ưa thích.

Kế đó là cách thuật chuyện chọn chất của ông. Ông không cầu kỳ kiểu cách, không dùng những kỹ thuật sắc sảo của những tiểu thuyết gia tân tiến, những lối sắp xếp câu chuyện theo cách các nhà làm phim xi nê. Phần lớn là ông theo lối kể chuyện Tàu xưa, theo thứ tự thời gian mà tường thuật. Trong "*Tơ Hồng Vương Vấn*" chẳng hạn, câu chuyện được bắt đầu từ lúc Vĩnh Xuân và Cúc Hương còn là những thiếu niên đi học thêm ở nhà ông giáo Huân. Đa số các quyển khác cũng cùng một lối thuật chuyện như vậy. Khi giới thiệu các nhân vật, ông hay tuần tự kê khai lý lịch của mỗi người. Trong "*Vì Nghĩa Vì Tinh*" ông viết: "Thằng nhỏ này tên nó là Lý Chánh Hội, cha nó là Lý Chánh Tâm, mẹ nó là Lý Cẩm Vân." Trong "*Cha Con Nghĩa Nặng*" ông tả "Trần Văn Sửu gốc ở làng Trung Trạch thuộc về tỉnh Vĩnh Long, cha hồi trước...Hương Thị Tào nhà ở Giồng Ké cũng thuộc làng Trung Nghĩa, có một đứa con gái tên là Nguyễn Thị Lụa..." Người trí thức mới, thẩm nhuần ý hướng nghệ thuật tân tiến Tây phương có thể xem thường nghệ thuật kể chuyện của ông, nhưng các độc giả trung lưu và bình dân trong Nam lại thấy thích thú với lối kể chuyện chọn chất đó vì họ dễ dàng theo dõi câu chuyện hơn.

Câu chuyện xảy ra ở miền Nam cho nên cái phong cảnh làm nền cho câu chuyện bao giờ cũng là cảnh vật ở miền Nam, từ thôn quê đến thành thị. Những cánh đồng, những con sông, những con đường, những phố xá, những cơ sở hành chánh, những bến xe lửa, bến tàu, những tiệm ăn, những khách sạn...với những danh xưng vô cùng quen thuộc đối với độc giả vùng này. Đó là cảnh vật ở các tỉnh Gò Công, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Sài Gòn, Chợ Lớn,... hay các quận Ô Môn, Bình Thủy, Càng Long, Vũng Liêm, Cà Mau, vv....Trên nền phong cảnh đó diễn ra những sinh hoạt sống động của xã hội miền Nam thời Hồ Biểu Chánh từ hạng có học, có địa vị,

có tiền của, đến những kẻ cùng đinh, những hạng tá điền hay người làm mướn, vv...từ cá nhân đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, với các nghề nghiệp, các hoạt động hằng ngày, không thiếu một thứ gì. Sinh hoạt ở trong học đường, sinh hoạt ở ngoài đường phố hay trong chợ búa, công việc trong tòa bố cũng như công việc ở làng xã, sự đầu tư vào ruộng đất cũng như cảnh sát nghiệp vì khủng hoảng kinh tế, cảnh nhà lá tồi tàn cũng như cảnh nhà đồ sộ với bao nhiêu bàn ghế tủ cần ốc xa cừ, cảnh hút thuốc phiện cũng như cảnh đờn ca nhậu nhẹt, cảnh di chuyển bằng ghe xuống, xe hơi, xe lửa, cảnh đi về Hậu Giang bằng tàu, vv...tất cả đều có đủ, kể cả những phong tục tập quán, những thói quen suy tư và những tín ngưỡng của các hạng người. Đọc hết tác phẩm của ông người ta có thể tìm thấy đầy đủ cả một xã hội hay nền văn hóa của miền Nam từ thời 1920 đến 1945 vậy.

Tư tưởng đạo đức luân lý và tín ngưỡng, tôn giáo trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đặc biệt thể hiện tinh thần dung hòa/tổng hợp Đông Tây, khoa học Âu Tây và đạo đức luân lý Á Đông. Trong tình yêu và hôn nhân tuy vẫn có cảnh cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy nhưng cũng đã có nhiều gia đình rộng rãi hơn trong vấn đề này, và khuynh hướng chung là tự do của lứa đôi trong việc chọn người yêu, có cả tiền dâm hậu thú nữa (*Ai Làm Được*), nhưng miễn không có tính cách tự do bừa bãi, hoàn toàn chạy theo ham muốn sắc dục, mà ngược lại vẫn sáng suốt, vẫn biết tốt xấu, vẫn phân biệt được điều hơn lẽ thiệt (*Hai Thà Cuối Vợ*). Tin ở sự đầu thai (*Tơ Hồng Vương Vấn*), tin ở Phật Trời (*Một Đời Tài Sắc*), ở sự thờ cúng ông bà như phần đông người dân miền Nam. Tin ở khoa học, ở học vấn và sự mở mang, khai hóa, phát triển xứ sở...(*Khóc Thâm*). Vai trò của phụ nữ được nâng cao hơn. Nhiều nữ nhân vật trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có học khá như Đoàn Thu Hà trong *Khóc Thâm*, Xuân Hương trong *Một Đời Tài Sắc*, vv...Tư tưởng, tín ngưỡng của các nhân vật chính nhìn chung có khuynh hướng tổng hợp, kết nạp nhiều luồng tư tưởng Đông Tây. Hầu hết các câu chuyện đều kết thúc có hậu, nghĩa là sau cùng, đạo đức, việc phải, lòng tốt bao giờ cũng thắng, và kẻ ác kẻ xấu rồi phải ăn năn hoặc đền tội. Tuy nhiên khuynh hướng trừng trị bằng lòng nhân, bằng sự hòa giải, tha thứ, biến đổi vẫn có chỗ đứng quan trọng trong lòng người. Nó có tính cách rất là miền Nam ở chỗ đó.

Sau hết, lời nói và câu văn của ông đã thể hiện tính cách đặc biệt của văn hóa miền Nam. Hồ Biểu Chánh dùng tiếng và chữ cũng như lối nói của dân miền Nam thành ra có nhiều chữ nhiều đoạn văn người miền khác không biết hay không thích. Xin lấy thí dụ một đoạn trong "Khóc Thâm."

" Thu Hà ở nhà một mình, cô dạy sắp con nít tới mười giờ rồi cô cho chúng nó về. Cô ăn sơ sịa ba hột cơm rồi đi ra đi vô một hồi, trong lòng sanh buồn, nên cô lấy cái khăn đờng thêu nửa chừng, cô đem ra phía trước nằm trên ghế xích đu mà thêu.

Gió thổi hiu hiu, trong nhà lặng lẽ, mấy đứa ở đều lục đục phía dưới nhà sau, đứa thì kiếm chỗ nghỉ ngơi, đứa thì xách nước rửa chén. Thu Hà tay thì lụi kim rút chỉ, mắt thì chăm bẵm ngó đờng thêu, mà trí lại nghĩ đến duyên phận của mình.

Thình lình có thấy bóng người bước lên thêm, cô day mặt ngó ra, thì là Hương hào Điều bước vô, có dắt thằng con là thằng Đặng theo nữa. Cô không ngồi dậy, cứ nằm và thêu và hỏi rằng:

- Đi chơi, anh Hương hào. Thằng nhỏ anh trọng đến há? Qua sang năm anh cho nó lên trên này tôi dạy giùm nó học.

Hương hào Điều đứng ngó dón dác, dờng như không nghe mấy lời của Thu Hà nói; anh ta đã không trả lời mà lại hỏi rằng:

- Hồi này tôi thấy dượng Hai đi xe hơi với ai đó, phải hôn cô?
- Ủ. Anh Hai tôi ở dưới Cơn Thơ lên rồi rủ nhau đi đâu đó không biết.

Hương hào Điều đứng xó rỏ, ngó quanh quất một hồi nữa rồi nói rằng:

- Chú có ở nhà không cô Hai?
- Ba tôi đi đấm giỗ dưới ông tôi. Anh hỏi ba tôi chi vậy?

Thu Hà liếc mắt thấy Hương hào Điều mặt mày buồn xo mà nước mắt lại rưng rưng chảy, cô lấy làm lạ bèn ngồi dậy ngó ngay Hương hào Điều mà hỏi rằng:

- Anh có việc chi mà coi bộ anh buồn dữ vậy?

Có lẽ sự buồn của Hương hào Điều nó tràn trề trong lòng không thể ngăn chặn lại được nữa, nên anh ta vừa nghe hỏi như vậy thì nước mắt tuôn dầm dề. Anh lấy vạt áo và lau nước mắt và nói rằng:

- Tôi có việc buồn quá, nên tôi thấy dượng Hai đi khỏi, tôi tính lên đặng nói chuyện cho chú nghe.
- Anh buồn về việc gì? Đâu, anh nói cho tôi nghe rồi ba tôi về tôi thưa lại với ba tôi, được hôn?

Hương hào Điều dự dự không muốn nói. Anh ta và khóc và nói rằng:

- Dượng Hai ở bậy quá. Dượng nhè dượng lấy vợ tôi.

Thu Hà nghe mấy tiếng ấy vang tai, chẳng khác nào sét đánh. Cô bỏ hai chơn xuống đất, mắt ngó sững Hương hào Điều, nghẹn cứng trong cổ, không biết sao mà nói được. Hương hào Điều đứng khóc rấm rức. Thu Hà chống tay lên cằm, day mặt ngó ngoài sân, mà nước mắt cũng chảy ròng ròng."

Giáo sư Phạm Thế Ngũ trong quyển Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên đã viết như sau, sau khi đề cập đến một số những khía cạnh trong xã

hội miền Nam trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh: “Người đọc ngó kỹ trong thế giới Biểu Chánh tất nhiên còn thấy nhiều hình ảnh khác về cái xã hội miền Nam trước đây, có thể thấy đủ để làm một luận án phong phú về vấn đề này.” Tôi hoàn toàn đồng ý với Phạm Thế Ngũ ở điểm này. Người nghiên cứu về xã hội về văn hóa hay lịch sử của miền Nam Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có thể lấy được rất nhiều dữ kiện trong kho tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Ông đã đóng đúng vai trò của một *“sứ gia của thời hiện tại”* vậy.

---

Nguồn: Hồ Biểu Chánh – người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại  
Nhà xuất bản Văn Nghệ, 2006, TPHCM.